

**CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KINH TẾ**

(Ban hành theo Quyết định số 1341/QĐ-DHHD ngày 27/8/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Kinh tế / Economics

2. **Mã ngành:** 7.310.101

3. **Chứng nhận kiểm định:**

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy, văn bằng 2, vừa làm vừa học

6. **Điều kiện tuyển sinh:** Xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường ĐH Hồng Đức

7. **Điều kiện tốt nghiệp:** Hoàn thành chương trình theo quy định hiện hành

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Hồng Đức

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

M1: Người học có kiến thức chung về kinh tế, kiến thức quản lý; có kiến thức sâu rộng, hiện đại về kinh tế học cũng như các phân nhánh kinh tế học trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường và vận dụng các kiến thức để dự báo kinh tế trong phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.

M2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; về quốc phòng-an ninh và thể dục thể thao vào quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý kinh tế tại các đơn vị, tổ chức.

M3: Hiểu biết sâu sắc về đạo đức kinh doanh, tâm lý học trong quản lý kinh tế, nắm vững kiến thức pháp luật trong kinh doanh; những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn đồng thời vận dụng những kiến thức trên trong giải thích các vấn đề trong quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý điều hành các tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

M4: Trình độ Tiếng Anh người học đạt được tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; trình độ tin học thành thạo, sử dụng công nghệ thông tin trong khai thác thông tin và truy cập Internet, các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, hợp đồng kinh tế phục vụ công tác quản lý tài chính và các lĩnh vực chuyên môn cụ thể.

M5: Có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác; khả năng tự học tập suốt đời.

M6: Có kỹ năng giao tiếp, tư duy khoa học, hoạch định, làm việc nhóm; giải quyết vấn đề; ra quyết định; kỹ năng tự quản trị và các kỹ năng mềm khác để học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

M7: Có phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

C1: Vận dụng khối kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kiến thức cơ bản của nhóm ngành Kinh tế vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo do Bộ GD&ĐT ban hành.

C2: Hiểu và vận dụng có hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; Có hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới.

C3: Hiểu và sử dụng thành thạo kiến thức ngoại ngữ tin học, phương pháp nghiên cứu vào quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý điều hành các tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

** Kiến thức chuyên môn*

C4: Nắm vững được các kiến thức sâu rộng, hiện đại về kinh tế, quản lý trên cấp độ nền kinh tế, ngành và các lĩnh vực tương ứng với chuyên ngành đào tạo.

C5: Hiểu và sử dụng tốt các phương pháp nghiên cứu, dự báo kinh tế, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình – dự án phát triển kinh tế - xã hội trên cấp độ nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương.

C6: Hiểu biết sâu sắc về các kiến thức liên ngành luật kinh tế, quản trị, tài chính, ngân hàng, đầu tư, kinh doanh quốc tế... và vận dụng hỗ trợ các kiến thức kinh tế học trong phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế có liên quan.

2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung*

C7: Kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, tư duy sáng tạo trong công việc; có khả năng tự học, độc lập nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu của công việc.

C8: Kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục, tôn trọng, trợ giúp, chia sẻ và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp và khách hàng.

C9: Kỹ năng phân tích, hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

C10: Đạt trình độ Tiếng Anh tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, vận dụng để nghe hiểu, giao tiếp được bằng tiếng về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

C11: Đạt trình độ tin học cơ bản, sử dụng công nghệ thông tin trong khai thác thông tin và truy cập Internet, các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, hợp đồng kinh tế phục vụ công tác quản lý tài chính và các lĩnh vực chuyên môn. Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, tin học kế toán, tin học ngân hàng phục vụ công tác quản lý và kinh doanh.

* Kỹ năng chuyên môn

C12: Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị liên quan tới quản lý kinh tế, tham mưu các vấn đề kinh tế, chính sách và giải pháp quản trị rủi ro cho tổ chức và doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

C13: Kỹ năng vận dụng hệ thống kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình – dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương;

C14: Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

C15: Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn; Giao tiếp, đàm phán và thiết lập các mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp và thực hiện các hợp đồng kinh doanh; thuyết trình, truyền thông trong quản lý kinh tế.

3. Thái độ:

Yêu nước, yêu nghề, tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động kinh tế - tài chính; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng; Có thái độ cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc và đối tác kinh doanh; Có tinh thần học hỏi, trách nhiệm cao trong công việc.

4. Năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm

C16: Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh.

C17: Có năng lực tự lập, sáng tạo và dẫn dắt về chuyên môn, có khả năng chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn; Có năng lực định hướng, phát huy được trí tuệ tập thể, năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình trong các hoạt động.

C18: Có phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

5. Tiếng Anh: Đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam.

6. Công nghệ thông tin: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Với kiến thức, năng lực chuyên môn đã được trang bị trong nhà trường, sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Chuyên viên, chuyên gia, cán bộ quản lý trong lĩnh vực kinh tế tại các cơ quan nhà nước như các Bộ, ngành ở trung ương, các sở ngành ở địa phương, các tổ chức quốc tế có liên quan đến kinh tế và quản lý kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học.

- Chuyên viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế về kinh tế và quản lý kinh tế.

- Tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

- Ngoài ra còn có khả năng phát triển nghề nghiệp cao hơn ở các vị trí quản lý, hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân đại học ngành Kinh tế không những được trang bị các kiến thức và kỹ năng làm việc mà còn được cung cấp nền tảng kiến thức để có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công việc.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trường đại học kinh tế - đại học quốc gia Hà Nội:

<http://ueb.vnu.edu.vn/Sub/13/newsdetail/ctdt/16448/chuong-trinh-dao-tao-chat-luong-cao-trinh-do-dai-hoc-nganh-quan-tri-kinh-doanh.htm>

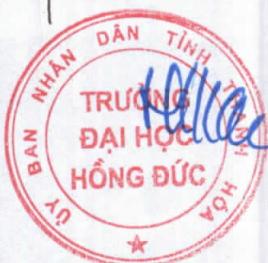
- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

<http://daotao.due.edu.vn/khung-chuong-trinh/kct-detail.aspx?kct=k2>

- Trường đại học kinh tế Tp Hồ Chí Minh

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/quantrikinhdoanh/quantri.pdf>

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỞNG KHOA

Lê Hoằng Bá Huyền

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Mai